

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 26 - 4 - 2019  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Đồi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Hồng Ân.

Ông Trần Quốc Toàn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Văn Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị L, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: khóm A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

***- Bị đơn:*** Ông Lê Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 24/3/2017, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa bà Trần Thị L trình bày:*

Về hôn nhân: Năm 2006, bà và ông T thành hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/12/2006. Trong quá trình chung sống, bà và ông T không hòa hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm và xảy ra mâu thuẫn kéo dài cho đến nay, hiện tại vẫn không thể hòa giải hàn gắn đoàn tụ gia đình được. Bà và ông T đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 04 năm 2018 đến nay, bà xác định không còn tình cảm dành cho ông T. Do đó, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống. Nay bà yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 người con chung, tên là Lê Khả Nh (giới tính nữ), sinh ngày 23/7/2011. Lê Khả Nh hiện đang chung sống với bà. Nay bà yêu cầu giao Lê Khả Nh cho bà tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Ông Lê Văn T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải 02 lần, triệu tập tham gia phiên tòa 02 lần, nhưng ông T không có ý kiến trình bày về các yêu cầu khởi kiện của bà L, cụ thể.*

Về hôn nhân: *Ông T không có ý kiến trình bày.*

Về con chung: *Ông T không có ý kiến trình bày.*

Về tài sản chung và nợ chung: *Ông T không có ý kiến trình bày.*

*Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 68, 93 đến 97, 195, 196, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân của bà L và ông T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng kéo dài mà không thể đoàn tụ được. Do đó không nên kéo dài quan hệ hôn nhân. Nay xét nên chấp nhận cho bà L ly hôn ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Về con chung: Lê Khả Nh hiện đang sinh sống với bà L. Đồng thời, Lê Khả Nh có nguyện vọng được chung sống với bà L. Do đó, nay xét giao Lê Khả Nh cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; Ông T là người không trực tiếp nuôi con. Do đó, ông T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, chăm sóc nuôi dưỡng Lê Khả Nh là phù hợp theo quy định tại Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông T không tham gia tố tụng phiên tòa sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 2006, bà L và ông T thành hôn, đến năm 2006 đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân của bà L và ông T là hợp pháp. Bà L và ông T đã xảy ra mâu thuẫn gay gắt kéo dài, đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay mà không thể hòa giải hàn gắn, không thể đoàn tụ gia đình được. Phía bà L xác định không còn tình cảm dành cho ông T, không muốn tiếp tục chung sống, không muốn kéo dài cuộc hôn nhân với ông T và nay cương quyết ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà L và ông T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng kéo dài mà không thể hòa giải đoàn tụ được, do đó không nên kéo dài quan hệ hôn nhân. Nay xét chấp nhận yêu cầu của bà L, cho bà L ly hôn ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Lê Khả Nh hiện đã sinh sống và học tập ổn định cùng bà L. Đồng thời, Lê Khả Nh cũng có nguyện vọng được chung sống với bà L. Do đó, nay xét giao Lê Khả Nh cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Việc bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Xét thấy, ông T là người không trực tiếp nuôi con. Do đó, ông T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, chăm sóc nuôi dưỡng Lê Khả Nh là phù hợp theo quy định tại Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận cho bà Trần Thị L ly hôn ông Lê Văn T.

2. Giao Lê Khả Nh (giới tính nữ), sinh ngày 23/7/2011 cho bà Trần Thị L chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Buộc ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con (Lê Khả Nh) 01 tháng là 695.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 26/4/2019 cho đến khi Lê Khả Nh đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống.

4. Ông Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng, bà Trần Thị L đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007358 ngày 06/12/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay đối trừ và chuyển thu.

6. Án phí cấp dưỡng: Buộc ông Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Đồi**